TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ N** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **31**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 04-4-2024
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hướng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thiên Hoàng
Bà Lê Thị Hoa

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trương Thị Thẩm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Bà Phan Thị Mỹ Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 658/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/02/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15/3/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1987
Địa chỉ: Thôn C, xã T, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà **Phạm Thị Phương H**, sinh năm 1998
Địa chỉ: Thôn A, xã S, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T trình bày:

Ông và bà Phạm Thị Phương H kết hôn năm 2020 tại UBND xã Ninh T. Trong quá trình chung sống ông bà thường xảy ra tranh cãi vì không đồng quan điểm sống. Đến tháng 8/2022 ông bà không còn sống chung với nhau nữa. Hiện tại ông không còn tình cảm với bà H nữa nên yêu cầu ly hôn bà H.

Con chung: Ông bà có 1 con chung tên Nguyễn Ngọc Hoài A, sinh ngày 31/7/2020, ông giao cháu A cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Tài sản chung: Ông không yêu cầu giải quyết.

2. Bị đơn bà Phạm Thị Phương H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

3. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến trình bày:

+ Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy tại phiên tòa, bị đơn bà Phạm Thị Phương H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T yêu cầu ly hôn bị đơn bà Phạm Thị Phương H, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn A, xã S, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã N theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc T và bà Phạm Thị Phương H kết hôn tại UBND xã Ninh T, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21 ngày 06/3/2020. Hội đồng xét xử xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Ông T yêu cầu ly hôn vì cho rằng ông bà thường xảy ra mâu thuẫn nên không hạnh phúc. Từ tháng 8/2022 đến nay, ông và bà H đã không còn sống chung với nhau nữa và cũng không còn quan tâm đến nhau.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bà H vắng mặt trong các phiên hòa giải và tại phiên tòa, chứng tỏ bà H không có T chí hàn gắn cuộc hôn nhân giữa bà với ông T. Hội đồng xét xử xác định ông T và bà H đã không còn tình cảm, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mâu thuẫn giữa ông T và bà H đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T.

- Về con chung: Ông T và bà H có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Hoài A, sinh ngày 31/7/2020. Ông T yêu cầu giao cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và ông đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Xét thấy hiện tại cháu A đang ở với mẹ nên cần giao cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi cho cháu A. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T về việc cấp dưỡng cho cháu An 2.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về án phí: Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0001393 ngày 03/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, ông T còn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự,

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH2014 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc T được ly hôn bà Phạm Thị Phương H.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Hoài A, sinh ngày 31/7/2020 cho bà Phạm Thị Phương H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Ông Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bà H nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*) cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Ông T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc T phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2022/0001393 ngày 03/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N. Ông T còn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- UBND xã T
(GCNKH 21/2020);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hướng